

Số: 141/2019/QĐST-HNGĐ

Yên Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 184/2019/TLST/HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hà Đức T, sinh năm 1988.

Trú quán: Khu 7, xã Xuân Thủy, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh H - Sinh năm 1989 .

Địa chỉ: Khu 7, xã Xuân Thủy, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi liên quan: Ngân hàng CSXH huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Xuân Th, chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ vào điều 212, điều 213, khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 điều 26, điểm a khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào điều 55, 58 luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hà Đức T và Chị Nguyễn Thị Ánh H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Hà Đức T được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Hà Đức T, sinh ngày 29/8/2011 kể từ tháng 8/2019 đến khi trưởng thành. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T (anh T tự nguyện không yêu cầu). Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung anh T cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh T và chị H không đề nghị giải quyết, nhưng đề nghị ghi vào quyết định nội dung vợ chồng đã thỏa thuận tại biên bản ngày 08/8/2019 như sau: “ Vợ chồng có tài sản chung là 01 nhà xây cấp bốn, bốn gian (nhà ống) làm năm 2014 trị giá khoảng 100.000.000đ, nhà làm trên đất cây lâu năm diện tích là: 247,3 m2 tại thửa số: 420, tờ bản đồ số: 18 đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số: BY 972053 ngày 03/9/2015, tại khu 7, xã Xuân Thủy, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đứng tên vợ CH tôi, trị giá khoảng 30.000.000đ. Nhà và đất vợ CH thỏa thuận để lại cho con chung là cháu Hà Đức Toàn, sinh ngày 29/8/2011, khi nào cháu đủ tuổi thao quy định của pháp luật thì vợ chồng xẽ sang tên cho con và giao cho anh T trực tiếp quản lý số tài sản trên đến khi sang tên cho con” .

Về công nợ: Anh Hà Đức T và Chị Nguyễn Thị Ánh H mỗi người phải trả số tiền nợ gốc là: 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và lãi hàng tháng cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ theo quy định trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 11/4/2016.

Về công sức : Anh T và chị H trình bày không có nên thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: Anh Hà Đức T tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn, Nhưng được khấu trừ vào số tiền anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai số: AA/2018/0001140 ngày 12/ 8/ /2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lập. Hoàn trả lại cho anh T số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lập;
- Các đ- ơng sự;
- THA dân sự huyện Yên Lập;
- UBND xã Xuân Thủy;
- L- u VP.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẬP
Thẩm phán

Hoàng Văn Mẫu

